

## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



#### 1. Thông tin chung

- Họ và tên: PHAN THỊ THU HƯƠNG
- Năm sinh: 1972
- Giới tính: Nữ
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ (2013, Trường Đại học Y tế công cộng)
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Phó Giáo sư (2017, Trường Đại học Y tế công cộng)
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Y tế công cộng
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Hà Nội
- Chức vụ cao nhất đã qua: Cục trưởng Cục Phòng chống HIV/AIDS
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):  
.....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....

#### 2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

##### 2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 07 sách chuyên khảo; 03 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

| TT | Tên sách                                                                                                                                     | Nhà xuất bản, năm xuất bản | Vai trò tham gia   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|
|    | <b>Sách, hướng dẫn quốc tế</b>                                                                                                               |                            |                    |
| 1. | Differentiated and simplified pre-exposure prophylaxis for HIV prevention: update to WHO implementation guidance - World Health Organization | 2022                       | Tham gia soạn thảo |
|    | <b>Sách, hướng dẫn trong nước</b>                                                                                                            |                            |                    |
| 2. | Tài liệu tập huấn tư vấn tạo động lực trong phòng, chống HIV/AIDS (tài liệu dành cho học viên)                                               | Bộ Y tế 2024               | Chủ biên           |
| 3. | Tài liệu tập huấn tư vấn tạo động lực trong phòng, chống HIV/AIDS (tài liệu dành cho giảng viên)                                             | Bộ Y tế 2024               | Chủ biên           |
| 4. | Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS                                                                                                     | Bộ Y tế 2021               | Chủ biên           |
| 5. | Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS                                                                                                     | NXB Y học, 2019            | Chủ biên           |
| 6. | Tài liệu đào tạo chẩn đoán, điều trị và chăm sóc HIV/AIDS                                                                                    | NXB Y học, 2019            | Chủ biên           |
| 7. | Tài liệu đào tạo Quản lý và điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP)                                                                | NXB Y học, 2019            | Chủ biên           |
| 8. | Tài liệu Hướng dẫn thu thập chỉ số cảnh báo sớm HIV kháng thuốc                                                                              | NXB Y học, 2019            | Chủ biên           |

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 90 bài báo tạp chí trong nước; 50 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có):

| TT       | Tên bài báo                                                                                        | Số tác giả | Đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học | Tạp chí ISI hoặc Scopus (IF nếu có) (*) | Tập | Số | Trang | Năm công bố |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-----|----|-------|-------------|
| <b>A</b> | <b>Tạp chí quốc tế</b>                                                                             |            |                                        |                                         |     |    |       |             |
| 1.       | Engaging the private sector as part of HIV pre-exposure prophylaxis service delivery in Vietnam: a | 17         | Front. Reprod. Health                  |                                         |     |    |       | 2025        |



| T<br>T | Tên bài báo                                                                                                                                                                                                                                       | Số<br>tác<br>giả | Đăng trên<br>tạp chí hoặc<br>kỷ yếu khoa<br>học                                                                                                                | Tạp<br>chí<br>ISI<br>hoặc<br>Scopus<br>(IF<br>nếu<br>có) (*) | Tập | Số | Trang | Năm<br>công bố |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|----|-------|----------------|
|        | comparative analysis of uptake, persistence and HIV seroconversion from 2018 to 2023                                                                                                                                                              |                  | <a href="https://doi.org/10.3389/frph.2024.1439461">https://doi.org/10.3389/frph.2024.1439461</a>                                                              |                                                              |     |    |       |                |
| 2.     | The 3 moments for U=U education                                                                                                                                                                                                                   | 5                | <b>The Lancet HIV</b><br><a href="https://doi.org/10.1016/S2352-3018(25)00013-X">https://doi.org/10.1016/S2352-3018(25)00013-X</a>                             |                                                              |     |    |       | 2025           |
| 3.     | Preference and retention of daily and event-driven pre-exposure prophylaxis for HIV prevention: a prospective cohort in Can Tho city, Viet Nam                                                                                                    | 8                | <b>BMJ Open Journal</b>                                                                                                                                        |                                                              |     |    |       | 2024           |
| 4.     | Anticipated facilitators and barriers for long-acting injectable antiretrovirals as HIV treatment and prevention in Vietnam: a qualitative study among healthcare workers                                                                         | 14               | <b>BMC Infectious Diseases</b><br><a href="https://doi.org/10.1186/s12879-024-10352-w">https://doi.org/10.1186/s12879-024-10352-w</a>                          |                                                              |     |    |       | 2024           |
| 5.     | <u>Detection of antiretroviral drug-resistant mutations and HIV-1 subtypes in circulation among men who have sex with men, SEM females and female sex workers: results of Vietnam's HIV Sentinel Surveillance Plus (HSS+) system, 2018 - 2020</u> | 14               | <b>JAIDS Journal of Acquired Immune Deficiency Syndromes</b><br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1097/QAI.00000000000003537">10.1097/QAI.00000000000003537</a> |                                                              |     |    |       | 2024           |

| T<br>T | Tên bài báo                                                                                                                                                                                                                                 | Số<br>tác<br>giả | Đăng trên<br>tạp chí hoặc<br>kỹ yếu khoa<br>học                                                                                                                    | Tạp<br>chí<br>ISI<br>hoặc<br>Scopus<br>(IF<br>nếu<br>có) (*) | Tập           | Số      | Trang   | Năm<br>công bố |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|----------------|
| 6.     | Investigating the effectiveness of web-based HIV self-test distribution and linkage to HIV treatment and PrEP among groups at elevated risk of HIV in Viet Nam provinces: a mixed-methods analysis of implementation from pilot to scale-up | 13               | <b>Journal of the International AIDS Society</b><br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1002/jia2.26264">10.1002/jia2.26264</a><br>License: <a href="#">CC BY 3.0</a> |                                                              |               |         |         | 2024           |
| 7.     | The Effectiveness of HIV Drug Resistance Mutation Testing on Dried Blood Spot (DBS) Samples in Vietnam                                                                                                                                      | 5                | <b>Fortune Journal of Health Science</b>                                                                                                                           |                                                              | 6             | 3       | 363-376 | 2023           |
| 8.     | Increase in human immunodeficiency virus and syphilis prevalence and incidence among men who have sex with men, Vietnam 2015 – 2020                                                                                                         | 11               | <b>International Journal of STD &amp; AIDS</b>                                                                                                                     |                                                              | Vol. 0(0) 1-9 |         |         | 2023           |
| 9.     | Assessment of HIV viral load monitoring in remote settings in Vietnam – comparing people who inject drugs to the other patients                                                                                                             | 14               | <b>PLOS ONE</b><br><a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0281857">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0281857</a>                                         |                                                              |               |         |         | 2023           |
| 10.    | Caring for the whole person: transgender – competent HIV pre-exposure prophylaxis as part of integrated primary healthcare services in Vietnam                                                                                              | 14               | <b>Journal of the International AIDS Society</b><br>DOI: 10.1002/jia2.25996                                                                                        |                                                              |               | 25 (S5) |         | 2022           |
| 11.    | The prevalence of pre-treatment and acquired                                                                                                                                                                                                | 17               | <b>Journal of the International</b>                                                                                                                                |                                                              |               |         |         | 2022           |

| T<br>T                               | Tên bài báo                                                                                                                                                                            | Số<br>tác<br>giả | Đăng trên<br>tạp chí hoặc<br>kỷ yếu khoa<br>học                                                                                                                                      | Tạp<br>chí<br>ISI<br>hoặc<br>Scopus<br>(IF<br>nếu<br>có) (*) | Tập | Số        | Trang       | Năm<br>công bố |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|-----------|-------------|----------------|
|                                      | HIV drug resistance in Vietnam: a nationally representative survey 2017-2018                                                                                                           |                  | <b>AISDS Society</b><br><a href="https://doi.org/10.1002/jia2.25857">https://doi.org/10.1002/jia2.25857</a>                                                                          |                                                              |     |           |             |                |
| 12.                                  | Prepped for PrEP? Acceptability, continuation and adherence among men who have sex with men and transgender women enrolled as part of Vietnam's first pre-exposure prophylaxis program | 18               | <b>Sexual Health</b>                                                                                                                                                                 |                                                              |     | 18<br>(1) | 104-<br>115 | 2021           |
| 13.                                  | Feasibility of dried blood spots for HIV viral load monitoring in decentralized area in North Vietnam in a test-and-treat era                                                          | 13               | <b>PLOS ONE</b><br><a href="https://journals.plos.org/plosone/article?id=10.1371/journal.pone.0230968">https://journals.plos.org/plosone/article?id=10.1371/journal.pone.0230968</a> |                                                              |     |           |             | 2020           |
| 14.                                  | Community-led HIV testing services including HIV self-testing and assisted partner notification services in Vietnam: lessons from a pilot study in a concentrated epidemic setting     | 9                | <b>Journal of the International AIDS Society</b>                                                                                                                                     |                                                              | 22  | S5        |             | 2019           |
| <b>B Tạp chí trong nước</b>          |                                                                                                                                                                                        |                  |                                                                                                                                                                                      |                                                              |     |           |             |                |
| <b>II Sau bảo vệ luận án tiến sỹ</b> |                                                                                                                                                                                        |                  |                                                                                                                                                                                      |                                                              |     |           |             |                |
| 15.                                  | <u>Thực trạng kiến thức, thái độ và một số yếu tố liên quan trên nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới trong điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP) tại Cần Thơ năm 2022</u>  | 4                | Tạp chí Y học dự phòng                                                                                                                                                               |                                                              |     |           |             | 2023           |



| T<br>T | Tên bài báo                                                                                                                                                      | Số<br>tác<br>giả | Đăng trên<br>tạp chí hoặc<br>kỷ yếu khoa<br>học                                                                                     | Tạp<br>chí<br>ISI<br>hoặc<br>Scopus<br>(IF<br>nếu<br>có) (*) | Tập | Số | Trang   | Năm<br>công bố |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|----|---------|----------------|
| 16.    | <u>Tiếp cận chẩn đoán và điều trị viêm gan C tại tuyến huyện: Quan điểm từ người bệnh đồng nhiễm viêm gan C/HIV</u>                                              | 4                | Tạp chí nghiên cứu y học                                                                                                            |                                                              |     |    |         | 2023           |
| 17.    | <u>Hành vi sử dụng chất kích thích khi quan hệ tình dục (chemsex) và một số yếu tố liên quan ở nam quan hệ tình dục đồng giới tại tỉnh An Giang năm 2022</u>     | 8                | Tạp chí Y học dự phòng<br><a href="http://dx.doi.org/10.51403/0868-2836/2022/905">http://dx.doi.org/10.51403/0868-2836/2022/905</a> |                                                              |     | 32 | 243-252 | 2022           |
| 18.    | <u>Tình trạng dinh dưỡng của người bệnh HIV/AIDS tại phòng khám ngoại trú, Trung tâm Bệnh nhiệt đới bệnh viện Bạch Mai năm 2019 - 2020</u>                       | 4                | Tạp chí Y học dự phòng                                                                                                              |                                                              |     |    |         | 2022           |
| 19.    | <u>Kết quả điều trị viêm gan vi rút C bằng phác đồ Sofosbuvir và Daclatasvir trên người bệnh đồng nhiễm HIV đang điều trị ARV tại tỉnh Thái Nguyên, năm 2022</u> |                  | Tạp chí Y học dự phòng                                                                                                              |                                                              |     |    |         | 2022           |
| 20.    | <u>Xu hướng nhiễm HIV và giang mai ở nhóm nam nghiện chích ma túy tại Việt Nam qua giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi, giai đoạn 2017 - 2021</u>          |                  | Tạp chí Y học dự phòng                                                                                                              |                                                              |     |    |         | 2022           |
| 21.    | <u>Thực trạng trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở người nhiễm HIV/AIDS tại Việt Nam, giai đoạn 2012 - 2022</u>                                                 | 6                | Tạp chí Y học dự phòng<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/882">10.51403/0868-2836/2022/882</a>                |                                                              |     |    |         | 2022           |

| T<br>T | Tên bài báo                                                                                                                                                                                                   | Số<br>tác<br>giả | Đăng trên<br>tạp chí hoặc<br>kỷ yếu khoa<br>học                          | Tạp<br>chí<br>ISI<br>hoặc<br>Scopus<br>(IF<br>nếu<br>có) (*) | Tập | Số | Trang | Năm<br>công bố |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|----|-------|----------------|
| 22.    | <u>Đặc điểm nhóm tiêm<br/>chích ma túy và một số<br/>yếu tố liên quan đến<br/>hành vi sử dụng chung<br/>bơm kim tiêm tại Thái<br/>Nguyên năm 2019</u>                                                         |                  |                                                                          |                                                              |     |    |       | 2022           |
| 23.    | <u>Thực trạng sử dụng<br/>bao cao su trong quan<br/>hệ tình dục và một số<br/>yếu tố liên quan đến<br/>hành vi không sử dụng<br/>bao cao su ở nhóm<br/>tiêm chích ma túy tại<br/>Thái Nguyên năm<br/>2019</u> | 8                | Tạp chí Y học<br>dự phòng<br>DOI:10.51403<br>/0868-<br>2836/2022/88<br>3 |                                                              |     |    |       | 2022           |
| 24.    | <u>Tỷ lệ hiện nhiễm HIV,<br/>giang mai và một số<br/>yếu tố liên quan trong<br/>nhóm nam quan hệ<br/>tình dục đồng giới tại<br/>tỉnh Khánh Hòa, năm<br/>2020</u>                                              | 10               | Tạp chí Y học<br>dự phòng<br>DOI:10.51403<br>/0868-<br>2836/2022/88<br>6 |                                                              |     | 32 |       | 2022           |

**2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ** (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: ..... cấp Nhà nước; ..... cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài):

| TT | Tên CT, ĐT                                                                                                               | CN | TG | Mã số và cấp<br>quản lý   | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện           | Ngày<br>nghiệm<br>thu | Kết<br>quả |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|---------------------------|----------------------------------------|-----------------------|------------|
|    | <b>Đề tài đang triển khai</b>                                                                                            |    |    |                           |                                        |                       |            |
| 1. | Cải thiện chất lượng<br>trong giảm Kỳ thị và<br>phân biệt đối xử liên<br>quan tới HIV tại các cơ<br>sở y tế tại Việt Nam |    |    | Đại học Y tế<br>công cộng | Đã có<br>IRB;<br>Đang<br>triển<br>khai |                       |            |



| TT | Tên CT, ĐT                                                                                                                                          | CN      | TG | Mã số và cấp quản lý                       | Thời gian thực hiện | Ngày nghiệm thu | Kết quả |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|--------------------------------------------|---------------------|-----------------|---------|
| 2. | Giám sát tải lượng vi rút ở vùng sâu, vùng xa. Cải tiến giám sát tải lượng vi rút trên bệnh nhân nhiễm HIV điều trị ARV ở khu vực vùng sâu, vùng xa |         |    | Dự án QTC Trung ương/ Viện VSDT Trung ương | 2017-2020           |                 |         |
| 3. | Feasibility of dried blood spots for HIV viral load monitoring in decentralized area in North Vietnam in a test-and-treat era, the MOVIDA project   |         |    | Viện VSDT Trung ương                       | 6/2017-4/2018       |                 |         |
| 4. | Giám sát tải lượng vi rút ở vùng sâu, vùng xa, Cải tiến giám sát tải lượng vi rút trên bệnh nhân nhiễm HIV điều trị ARV ở khu vực vùng sâu, vùng xa |         |    | Dự án QTC Trung ương/ Viện VSDT Trung ương | 2017-2020           |                 |         |
| 5. | Nghiên cứu mở rộng chương trình tư vấn giảm uống rượu bia để dự phòng HIV tại Việt Nam, thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng theo cụm (EBAI)          | Đồng CN |    | Đại học Y Hà Nội                           | 1/2023 – 1/2028     |                 |         |
| 6. | Triển khai tư vấn hỗ trợ và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các phòng khám và điều trị ngoại trú HIV tại Việt Nam                                  | Đồng CN |    | Viện Nghiên cứu Y – Xã hội học             | 2020-2025           |                 |         |
| 7. | Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc Cabotegravir có tác dụng kéo dài                                                              | Đồng CN |    | Đại học Y Hà Nội                           | 2024-2026           |                 |         |

#### 2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: ..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: ..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu



b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp):

.....

### **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: .....NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn):

.....

### **3. Các thông tin khác**

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

.....

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**

.....

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

.....

### **3.4. Ngoại ngữ**

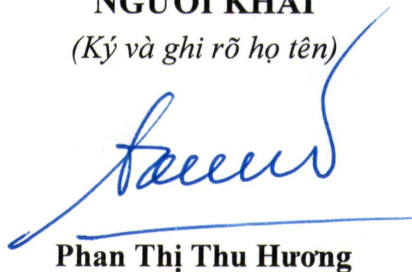
- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thành thạo

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2025

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Phan Thị Thu Hương**